

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN



刊月音圓

AN-NAM PHẬT-HỌC-HỘI PHÁT-HÀNH

TÒA SOẠN : ROUTE NÀM-GIAO — HUẾ (ANNAM)

IMP. MIRADOR (VIEN-DEI) — HUÉ

NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Tác Đại Chứng Minh

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

Chủ-nhiệm Annam Phật-Học Chánh-Hội-Trưởng :

S. E. NGUYỄN-ĐÌNH-HỒE

Chủ bút : M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Danh-sách các vị Đốc-giả trả tiền báo

M.M Cao-văn-Sấm	2\$00	M.M Hội P. H. Qúi-Nhon	35.00
Hội phật-Học Phanrang	44.07	Tôn-thất-Sấm Hội-viên	
S.E. Trần-thanh-Đạt Phautilét	2.00	Tourane	1.50
Chi-Hôi Túy-Vân	18.00	Nguyễn-thành-Đạo	7.00
Trương-vân-Quốc Battambang	1 10	Ngô-Hòa Savannakhet	2 00
Trần-Nga, Phong-Phu Camtho	2.50	Vương-duy-Tuy Rach-gia	2.00
Trần-Quang-Minh	1.00	Lê-vân-Tấn Trà-vinh	2.00
Bùi-quảng Đạo	2.00	Nguyễn-vân-Phúc	2 00
Hóa-Chủ-Điệu-Hạnh	6 00	Tôn-thất-Kiều Quangai	4.25
Phạm-ngọc-Thức Quangai	0 38	Nguyễn-trọng-Phù	1.10
Seerba Quảng-ngãi	1.50	Trương-vân-Mẫu SôngCầu	2 00
Ngô-vân-Kiểm Saigon	2.00	(Có nhận mandat 17\$00 —	
S.E. Ưng-Bàng Ancua	2.00	2\$ trả Viên-Âm — 5\$00	
Ưng-Hanh Hué	2.00	cung chùa Thuyền tôn 10\$	
Trương-ngọc-Cần	1.50	cung đức tượng hiện đã	
Tôn-thất-Giang	2 00	giao rồi)	
Tôn-thất-Toại Sử-quán	1 50	Trương-công-Khanh Sadec	2.00
Nguyễn-nhon-Từ	1 50	Trần-vân-Tia Bac-liên	2.00
Nguyễn-hữu-Tuân	1 50	Mme Nguyễn-Thức Sôngcầu	2.00
Bửu-Trác	1.50	Nguyễn-v-Độc Trangbàng	2.00
Nguyễn-dức-Lãnh	1 50	Vương-kim-Thoại Cambodge	2.00
Bửu-Bác	1.50	Võ-thành-Hay Phnom Penh	2.00
Trương-dủ-Liên	2 00	Trương-vân-Giàu	2.00
Thá-vân-Phan	2.00	Trần-kim-Trọng	2 00
Lê-vân-Lộc	1.50	Bùi-quan-Chí Chợ-lớn	2.00
Hưng-Long	2 00	Nguyễn-dâng-Hành TràVinh	2 00
Phan-quan-Thái	1 50	Hoàn-Phú (Chùa-phước-hậu	
Bửu-Cao (lục-lô)	1 50	Cần-thơ)	2.00
Lê-vân-Lượng	1.50	Trần-vân-Xén Bac-Liên	2.00
Phan-Mưu	2 00	Trịnh-công-Ngưu Cho-moi	
Nguyễn-vân-Chiến Vinh-long	2.00	Long-xuyên	2.00
Nguyễn-vân-Hoánh Phunhon	2.00	Đương-vân-Gồng Trà-Vinh	4.00
Bửu-Thọ Hué	2.00	Nguyễn-v-Biêu Phnompenh	2.00
Bửu-Châu ThudauMoi	2.00	Bình-công-tự-từ-tâm	
Lương-vân-Đương Chợ-Lon	2 00	Thu-dầu-Một	2 00
Đương-tấn-vị Chaudoc	6.00	Nguyễn Bóa Thanhhoa	19.00
Lê-Giám Hatinh (Chi-Hôi)	19 00	Vân-công-Hương Saigon	2.00



Tri-trai niệm Phật

*Một lòng niệm Phật tri-trai,
Tây phương chín phẩm liên-đài thành thối.*

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ-PHẬT,

Đệ-tử đương làm học-sinh, được nghe Phật-Pháp, sự tỉnh giấc mê, phát tâm niệm Phật ăn chay đã một năm dư, nay xin đem những điều lợi-lạc đã nghiệm thấy trong lúc tu-tập diễn tả ra đây, trông mong các ngài chưa thiết thiết qui-y tam-bảo hồi tâm tu-hành chánh-pháp, niệm Phật tri-trai, để hưởng được pháp lạc vô-biên và phát được từ tâm lai-lãng. Tôi lại xin các ngài đã phát tâm tu-hành lâu ngày, khai thị những khuyết-diểm cho tôi để cho kẻ hậu học này khỏi đều lầm lạc; công đức pháp-thí thiết vô-biên vô-lượng.

I. TRI-TRAI

Trước hết tôi xin bàn về những lợi ích của sự tri-trai. Tri-trai là ăn chay giữ giới để cho tâm được thanh-tĩnh. Tâm được thanh-tĩnh thì niệm Phật mới có hiệu quả, chớ nếu không giữ giới, không ăn chay thì tâm còn nặng nghiệp chúng - sanh, khó bề đến chỗ **nhất tâm bất loạn**. Vậy người đạo Phật cần phải phát tâm giữ ngũ-giới hoặc bát-giới, và ăn chay để tránh các nghiệp dữ. Vì làm nghiệp dữ thì bị lôi kéo vào tam ác đạo, như bóng

theo hình, như vang ừng tiếng, còn mong gì siêu-sanh về cõi Phật. Người thiết-thiết niệm Phật lúc nào cũng nhớ đến đức từ-bi, lẽ nào tạo ra nghiệp dữ, mà người đã tạo ra nghiệp dữ, thì đầu niệm Phật cũng chỉ niệm ngoài miệng, không thể có kết quả tốt.

Lại trong lúc giữ giới ăn chay tức là thiết hành theo Phật-pháp nên sự niệm Phật càng thiết-thiết hơn nhiều. Vậy giữ giới ăn chay là một trợ duyên lớn cho sự tu hành chánh-pháp.

Về ngũ giới bát giới, nay tôi xin lược, vì đã có nhiều vị diễn-giảng tường tận rồi, còn về sự ăn chay thì xin kể bốn điều lợi lạc như sau này:

1-) Giữ trọn giới sát sanh. — Ăn chay đã không ăn thịt thì giữ trọn được giới sát sanh. Vô-thỉ vô-thỉ, chúng ta vì tham miếng ăn ngon béo, giết hại loài yếu hèn dễ ăn thịt, lớn nuốt bé khỏe ăn yếu, giết mãi giết mãi quen tay, quen tai, quen mắt, quen tính, không biết ghê tay trong khi sát hại, ghê mắt trước sự đau đớn, ghê tai khi nghe những tiếng kêu thê-thảm đau đớn, giết mình khi nhận thấy ác báo về sau.

Kinh-Lăng-nghiêm có câu: « Dĩ nhơn thực dương, dương tử vi nhơn, nhơn tử vi dương ». Đời này ta cậy sức khỏe hiệp giết giống yếu để ăn thịt thì đời sau ta phải thác sanh làm giống yếu và bị ăn thịt lại để đền bù nợ cũ. Rồi kẻ đòi nợ lại bị mắc nợ, kẻ mắc nợ lại bị đòi nợ, đời này đời khác, quanh quauh quần quần sát hại lẫn nhau, nếu không ăn chay thì khó bề trả xong món nợ lâu đời. Dầu cho chúng ta chỉ mua đồ ăn sang, không nhúng tay vào việc sát sanh, nhưng xét

cho đúng lý nếu ta không ăn thịt, thì người hàng thịt còn bán thịt cho ai, nếu ta không ăn thịt thì người đầu bếp còn sát hại làm gì? vậy duy có ăn chay mới trả được cái nợ sát sanh hại mạng từ vô thủy.

2.) Dứt được cái nghiệp thèm lạt tham ăn. — Chúng ta vì thường ăn thịt cá, quen mồm hóa nghiện, rồi nhận lầm thịt cá là ngon là bổ và thành cái nghiệp tham ăn; nếu không có mà ăn thì bị thói quen xui dục, sanh ra thêm lạt khổ sở.

Cũng như người hút thuốc, lúc mới hút thấy đáng khét, lần lần tập mãi hút quen thành nghiện, không có thuốc lại sinh nhớ, sinh thèm, đến nỗi buồn-bực làm việc gì cũng không được. Người ăn thịt cá chỉ vì quen mà hóa ra thèm, vì thèm mà tưởng là ngon, thiệt ra thì thịt cá tanh hôi ô-uế, dầu có những đồ gia vị, mà người ăn không quen nuốt cũng không xuống.

Chúng ta biết như vậy thì nên đánh đổ cái thói quen ăn thịt cá ấy đi, (cái thói quen sai lầm đã làm cho chúng ta nhận vật hôi tanh làm vị ngon ngọt) để khỏi tạo cái nghiệp tham ăn và diệt trừ cái khổ thèm lạt. Đến khi ăn chay lâu ngày thì mới biết thịt cá là hôi tanh, gần một bên đã khó chịu, không thể nào ăn lại được nữa.

3.) Làm cho thân thể sức mạnh và tâm trí nhẹ-nhàng. — Thịt cá dễ cách ngày đã thấy ươn thúi, nhất là trong lúc trời nắng. Trong thịt cá ươn thúi có nhiều chất độc, có thể sinh ra nhiều bệnh rất nguy-hiểm. Ngon đó người ta thường thấy sau những đám tiệc linh-dinh, có làm thịt nhiều heo bò và kéo giai nhiều ngày, làm người đi dự về nhà phát đau đến nỗi phải bỏ mạng.

Dầu cho tươi đi nữa, nhưng thịt cá ăn vào trong bụng, trong lúc tiêu hóa lần lần, một phần cũng sanh ra uớt, thúi thành nhiều chất độc, làm cho ngủ tạng mệt nhọc. Ngoài ra nếu ăn thịt cá nhiều mà làm việc ít lại còn có thể sanh ra ngưng-trệ và phát nhiều chứng rất nguy hiểm có thể di-truyền đến con cháu. Lại thường ăn thịt cá thì lòng nhọc-dục thêm nhiều, làm cho hóa ra nóng nảy và đa-dâm, làm cho tinh-thần kém sút, đối với việc gì cũng như lửa rơm, như tiếng pháo, không đủ trí suy xét cho tốt nguồn gốc, không đủ chí kiên-nhẫn mà làm những việc có thiệt ích lâu giải.

Trái lại ăn chay thì thân-thể được khỏe mạnh, ăn chay thì được thành tâm quả-dục, đủ chí nguyện làm những việc khó-khăn.

4.) Tạo thành đức tính tiết-kiệm. — Như chúng ta ăn thịt cá quen, làm tưởng là ngon, nên chúng ta cần phải gia vị cho át được mùi hôi tanh để ăn cho vừa miệng. Ăn lâu sinh ngán, chúng ta lại bày vẽ ra nhiều cách gia vị khác, làm khi bày ra những món ly-kỳ như vi-cá, lưởi chim để cho thỏa cái lòng tham ngon, ưa lạ. Món ăn càng lạ bao nhiêu thì càng khó tìm, càng cao giá bấy nhiêu; như đó mà phải vất vả nhọc-nhân, chạy ngược chạy xuôi, thiên phương bách kế để thỏa thích lòng tham muốn không ngăn-mé. Xét lại miếng ăn dầu ngon dở, nuốt qua khỏi cổ là rồi, có gì đâu mà phải lao tâm lao lực đến thế. Nếu chúng ta ăn chay thì loài thảo, mộc, vị tuy đậm bạc, nhưng không tanh hôi như thịt cá, chúng ta đã không cần gia vị, lại cũng không cần tả vẽ nhiều chuyện nên cũng không cần phải tiêu tốn như lúc ăn mặn. Như coi sự ăn uống là một việc dễ giải không hà cầu những món quý vật lạ, nên dầu làm việc một cách ngay thẳng và phải chăng chúng ta cũng có thể dư giả mà làm các việc phước-thiện.

Có người nói : «Vẫn biết ăn chay là hay, nhưng e đồ chay không đủ chất bổ, vì hiện thấy có người ăn chay hóa ra xanh xao hèn yếu». Họ nói như vậy vì họ cho sự ăn chay là một việc lạ lùng nên để ý, mà không xét trong những người ăn mặn đã biết bao nhiêu người vẫn cứ xanh xao hèn yếu. Chúng ta sanh ra nghiệp người, bị biết bao nhiêu bệnh duyên chi-phối, dầu ăn uống thế nào, nếu bệnh duyên không trừ, cũng khó bề được sức khỏe. Lại thân thể chúng ta cần dùng nhiều chất nên đồ ăn cũng phải nhiều thứ ; nếu chuyên ăn một thứ, dầu là ăn thịt, cũng không thể sống lâu. Các chất cần dùng ấy, trong cỏ cây không thiếu món nào, vì nếu thiệt thiếu thì loài trâu bò toàn ăn cỏ quyết định không thể sống được. Trong loài thảo-mộc, lá cây đủ chất bổ như huyết ; các thứ dầu đủ chất bổ như mỡ ; hạt mít, hạt sen, các thứ đậu đủ chất bổ như thịt, không thiếu một chất gì. Người ăn chay có ăn rau, ăn dầu, ăn đậu với cơm thì khỏe mạnh như thường, có lẽ còn khỏe mạnh hơn những người ăn thịt cá vì không bị chất độc. Tự-trung có người ăn chay mà sanh ra hèn yếu, là vì tuy họ phát tâm ăn chay mà không biết cách ăn chay ; hoặc họ nghĩ đồ chay không đủ chất bổ, cho sự ăn chay là một cách hy-sinh, nên tinh-thần suy kém làm cho thân-thể cũng hóa ra hèn yếu. Cũng như người quê mùa xứ mình, dầu cho họ ăn bánh mì, ăn thịt bò nhiều đến bao nhiêu, nếu không cho ăn cơm lâu ngày, thì họ cũng cứ nghĩ là thiếu ăn và dầm sức lẫn. Điều đó chỉ vì lòng còn nghi, còn thèm mà sanh ra hèn yếu, chứ không phải vì vật-chất không đủ.

Vậy người ăn chay cần phải ăn đủ thứ đậu, dầu, rau, cơm, và cần phải tin chắc rằng ăn chay đủ chất bổ, ít chất độc hơn ăn thịt cá thì mới khỏi sự nghi hoặc, khỏi điều thèm lạt và mới được thân thể Khương-cường, tinh-thần yên tĩnh.

(còn nữa)

NGUYỄN-THỦY-LUNG, Nam-Dịnh

TỪ - THIỆN

Từ là thương xót, thiện là hiền lành ; từ-thiện là trước sự thống khổ, động lòng trắc-ân, tự nguyện làm những công việc cứu-tế, không thiên-chấp một phương-diện nào dầu tinh-thần hay vật-chất. Chẳng những đói cho ăn, rét cho mặc là từ thiện mà lập dực-anh-đường săn-sóc lũ trẻ thơ, cất dưỡng-lão-viện cấp-dưỡng người già-cả, làm nhà thương cứu chữa tất bệnh, dựng trường học mở mang trí-thức cho đến khuyên đều lành dạy lễ phải, sửa đường sá làm cầu cống v.v.v. đều là việc từ-thiện, vì giúp ích cho đời được bớt ít phần thống-khổ.

I. TỪ-THIỆN THẾ-GIAN

Từ-thiện thế-gian gốc ở lòng nhơn-ái. Nhơn-ái là xét nơi mình mà nghĩ đến người, chẳng những không làm việc tổn hại mà thường thương xót, tự đặt mình nơi địa vị người và tìm cách làm đều lợi-lạc. Lòng nhơn-ái rất đáng quý, nhưng vì lòng nhơn-ái thế-gian thường chỉ đề đối với các loài có ý-chỉ, có tình-cảm như mình nghĩa là đối với đồng loại mà thôi, nên không được rộng lớn và công đức thành cũng có hạn-lượng.

Ở thế gian, công việc từ-thiện đại khái do các nguyên-nhơn sau này :

1.) **Một là do tư-cách sẵn có.** — Chúng ta, trải đời này sang đời nọ, từ thân này đến thân khác, đã chịu biết bao đều thống-khổ nên cũng đã nuôi sẵn hột giống nhơn-ái, nay vì thiện-duyên đang sanh làm người, thì hột

giống ấy lại càng tấn-phát. Vậy nên trước những cảnh tượng thống-khổ, lắm người đã sinh lòng trắc-ân và tùy theo sức mình gắng làm các việc từ-thiện.

2.) Hai là do tập-quán. — Tập-quán là tập lâu thành thói quen, lược có hai phần :

A) Tập-quán vì giáo-dục, như được sanh vào một gia đình hiền-lành hằng ngày nghe lời dạy bảo, thấy cách thực-hành, tập thành thói quen, rồi cũng hóa ra người từ-thiện.

B) Tập-quán vì việc làm như đã ra tay làm công việc từ-thiện thì lần lần quen tánh thường nghĩ đến người, xét công việc mọi người đều có quan-hệ đến sự sanh-tồn của mình và tự nhận có cái trách-nhiệm làm việc lợi ích cho người để báo đáp ơn đức.

3.) Ba là vì muốn tìm sự hạnh-phúc cho mình. — Chẳng nói đến những người làm việc từ-thiện với cái tâm không từ-thiện để mưu cầu danh lợi mà họ đã nhận lầm là hạnh-phúc ; lắm bậc từ-thiện vì thường tự đặt vào địa vị người nên đã có thể nhận cái hạnh-phúc của người làm cái hạnh-phúc của mình, mỗi khi làm việc từ-thiện, thấy người ta được lợi-lạc thì tâm trí nhẹ-nhàn, tinh-thần vui-vẻ, đến nỗi về sau chỉ nhận sự ban-bố hạnh-phúc cho kẻ khác là hạnh-phúc mà thôi. Sách nho có câu : « vi thiện tối lạc », E. Figuière có câu . « Le bonheur c'est d'en donneur », đều đề miêu-tả chỗ dụng tâm quý hóa ấy.

Các việc từ-thiện, nguyên-nhơn đã không đồng, công đức cũng vì đó mà có sai khác. Về công đức, chúng ta có thể lược chia những người làm việc từ-thiện thế-gian ra ba hạng.

1.) **Hạng ham vui.** — Hạng này tuy có sẵn giống nhơn-ái, song vì mãi lảng lộn theo ngũ-dục, xoay vần theo hoàn-cảnh, nên tánh nhơn-ái không có dịp phát hiện. Đến khi nghe có người hô-hào tổ chức cuộc này, hội nọ đề giúp đỡ cho kẻ bị-nạn thì họ cũng sẵn lòng lạc-ứng trong một thời-gian ngắn-ngủi, nhưng rồi giống nhơn-ái lại ần núp như củ. Hạng này như cái chuông có đánh mới kêu, nên công đức không được bao nhiêu.

2.) **Hạng vì danh-lợi.** — Hạng này làm công việc từ-thiện đề trông mong kiếm chút danh-lợi, bỏ tiền trăm bạc ngàn chuộc một cái địa vị trong xã-hội, mục-đích cốt cho quan trên yêu chuộng, láng xóm nể vì, trong lúc sống được người đề ý đến mình, đến khi chết lưu lại danh thơm muôn thuở. Hạng người này cũng quý hóa lắm, tiếc vì phát-tâm không được chánh đáng nên kết quả nhiều nỗi quanh-co, lắm khi tuy mặt ngoài làm nhiều việc từ-thiện rực-rỡ mà trong u-ẩn cũng cứ làm đều độc ác, đến nỗi công đức không đền bù nổi ác báo.

3.) **Hạng cầu hạnh-phúc.** — Hạng này hoặc vì vui với việc lành, hoặc vì biết lý nhơn-quả mà làm từ-thiện. Công đức hạng này rất to-tát nhưng vì còn tánh vị-kỷ, nên không khỏi so-đo, phân-biệt việc khó việc dễ, kẻ thân người sơ, lợi ích nhiều ít, công đức lớn nhỏ; nhơn đó mà kết quả cũng có hạn lượng.

II. TỪ-THIỆN ĐẠO-PHẬT

Từ thiện đạo Phật gốc ở nơi từ-bi-hĩ-xã.

Đạo Phật xét rõ thân chúng-sanh chỉ là cái thân tạm trong một đời, đến khi chết lại phải theo nghiệp mà thụ-sanh: Nghiệp lành thì lên những bậc trên, nghiệp dữ

thì xuống những bậc dưới, nghiệp trung bình thì không lên không xuống, nhưng lắm khi sanh về thế-giới khác. Đời này sang đời khác, chúng-sanh luân-hồi mãi-mãi trong vô-lượng vô số kiếp, nên chúng-sanh nào cũng đã nhiều phen gặp-gỡ nhau, làm bà con họ-hàng, bạn-bè quyến thuộc. Do đó đối với toàn thể chúng-sanh, người đạo-Phật đều thương một cách bình-đẳng không thiên vị đồng loại mà bỏ các loại khác.

Đạo-Phật xét những vui khổ ở đời đều đối-đãi với nhau mà thành, cái vui thường đeo theo cái khổ, và vui chỉ là sự hết khổ.

Đạo-Phật lại xét toàn thể chúng-sanh đều có cái tâm như Phật; cái tâm ấy không vì sự mê lầm của chúng sanh mà sai khác. Chúng-sanh đã có cái tâm như Phật, thì chúng-sanh nào đều có thể thành Phật, miễn có chí tu-tập theo chánh-pháp.

Do đó người đạo-Phật chẳng cho việc cứu khổ chúng-sanh trong một thời-gian là đủ mà cốt phải làm thế nào cho chúng-sanh chứng rõ tâm tánh và hưởng được hạnh-phước hoàn-toàn như Phật.

Vì cái chí nguyện ấy, người đạo-Phật phát sanh ra bốn đức từ, bi, hỷ, xả.

1.) Đức Từ là thương chúng-sanh như bà mẹ lành thương con. Bà mẹ chẳng những lo cho được cơm no áo ấm mà cốt nhất mong cho con về sau được thành những người học-vấn uyên-thâm, thành những bậc chánh nhơn quân-tử, Đức-Từ cũng vậy, Đức-Từ chẳng những làm cho chúng-sanh được vui về hiện-tại, mà cốt nhất làm thế nào cho chúng-sanh ra khỏi vòng khổ-não, được cái vui nhẹ-nhàng sáng-suốt, lâu-dài, bền chắc của những bậc giác-ngộ.

2.) Đức-Bi là đối với chúng-sanh đương-bị tai-nạn đau-khổ, phát tâm thương xót mà tìm cách cứu vớt. Đức-bi rất trọng yếu cho sự tu-tập đạo-Phật vì là cội gốc của muôn hạnh muôn đức. Nhờ có đức-bi, chúng-sanh mới có thể phát tâm đại-thừa, tu thành quả Phật. Nguyên-nhơn phát ra đức-bi vô-biên vô-lượng: có chúng-sanh vì thấy người thiếu ăn thiếu mặc mà phát ra đức-bi; có chúng-sanh vì thấy cõi đời vô-thường, già, đau, sống, chết không chừng mà phát ra đức-bi; có chúng-sanh vì thấy người đời đau-đớn về ái-biệt-ly-khổ mà không biết đoạn lòng ái nên phát ra đức-bi; có chúng-sanh vì thấy người đời tranh-danh trục-lợi, lo buồn đau khổ mà không biết đoạn lòng tham nên phát ra đức-bi, có chúng-sanh vì thấy người đời mê theo ngoại-đạo tà-giáo không biết tu-tập chánh-pháp mà phát ra đức-bi; có chúng-sanh vì thấy người đời không muốn tai-nạn mà cứ tạo ra cái nhơn tai-nạn, không muốn khổ não, mà cứ tạo ra cái nhơn khổ não nên phát ra đức-bi. Trong lúc ban đầu, người đạo-Phật tuy cũng thương người thương vật, làm việc cứu-tế, dạy cách tu-tri nhưng vì chưa phát ra trí-huệ, chưa đủ năng-lực nên còn có chướng-ngại, còn có hạn lượng.

Về sau, chúng được chơn-như-trí, đem cái diệu dụng của trí ấy mà làm việc từ-thiện thì mới thiệt là đại-bi, vì có thể cứu độ một cách rốt-ráo vô-lượng vô-biên chúng-sanh, không còn bị tình-cảm phân biệt hạn chế.

3.) Đức-Hỉ là vui mừng trong khi gặp-gỡ chúng-sanh, vì có gặp-gỡ mới có thể cứu độ. Đức-hỉ làm cho người tu-hành được tinh-tấn, Trong lúc độ-sanh gặp những sự khó-khăn đau-đớn cũng vui vẻ bước tới, dầu tự mình chưa giác-ngộ. Đức-hỉ lại làm cho các chúng-sanh vui lòng nghe lời dạy bảo vì đức-hỉ có thể cảm hóa chúng-sanh làm cho phát tâm hoan-hỷ trong khi gặp-gỡ.

4.) Đức-Xã là nhận rõ muôn sự muôn vật đều chỉ là tướng đổ dãi giã-dối, không có tự-tánh nên không sanh lòng chấp trước. Nhờ đức-xã, người tu-hành tránh được các điều danh-lợi, các lòng kiêu mạng, các sự tham cầu, dầu là tham cầu niết-bàn cho mình, và giải-thoát được ra ngoài các hạng-lượng. Nói tóm lại Từ và Xã là cái quan-niệm bề trong, Bi và Hỉ là cái đối-niệm bề ngoài; nhờ có đức-từ và đức-xã nên đức-bi đức-hỉ mới viên-mãn.

Cách thiệ hành từ-thiện của đạo Phật, có thể gồm trong bốn món nhiếp-sự là: bố-thí, lợi-hạnh, ái-ngũ và đồng-sự.

1.) Bố-thí là gì? — Bố nghĩa là rộng, rộng khắp mọi người không phân biệt chỗ xa chỗ gần, xứ mình xứ người, không phân biệt kẻ thân người sơ kẻ quen người lạ; Thí nghĩa là phân phát, phân phát những sự vật sẵn có của mình. Xem như vậy thì biết những người dễ của lại cho con không phải bố-thí, những người buôn bán đồi chát cũng không phải bố-thí.

Bố-thí là lấy của mình mà làm các thiện-sự như giúp đỡ cho kẻ đói rét, cúng dường cho kẻ tu-hành v. v...

2.) Lợi-hạnh là làm những việc lợi ích cho người như dắt-diu kẻ đui-mù, cứu vớt kẻ tai-nạn, an-ủi kẻ lo-buồn, giúp đỡ kẻ mệt-yếu, hoặc làm những việc công ích như sửa đường sá, xây cầu cống v. v.

3.) Ai-ngũ, nghĩa là lấy lòng từ-bi mà thuyết-pháp độ-sanh; thuyết-pháp độ-sanh không ngoài bốn món Tất-đăng là: thế-giới tất-dân, vị-nhơn tất-dăng, đối-trị tất-dăng, độ-nhất-ngĩa tất-dăng.

a) thế-giới tất-dàng là thế theo lòng hy-vọng của thế-gian mà thuyết-pháp để chúng-sanh phát tâm nhằm chán các điều khổ não và tu-tập cho đáng hoàn-toàn hạnh-phúc.

b) Vi-nhơn tất-dàng là tùy theo căn-cơ mỗi người mà chỉ vẽ con đường tu-hành.

c) Đối-trị tất-dàng là tùy theo phiền não mê-chấp mà chỉ vẽ cách đối-trị.

d) Độ-nhất-ngheĩ tất-dàng là chỉ rõ chọn-như-pháp-tánh để cho chúng-sanh được giải-thoát ra ngoài các hạng-lượng, các đối-đãi.

4.) Đồng-sự là đồng làm việc với nhau, như đồng hương, đồng tộc, đồng ở một công sở, đồng làm một chức nghiệp v. v..., do đó mới làm cái gương đức-hạnh, gây ra được thiện-duyên và đặc-điêu lần mọi người đều hiểu được chánh-pháp, tu được chánh-pháp và ra khỏi sông mê bể khổ.

Công đức của công việc từ-thiện theo đạo Phật vô-biên vô-lượng. Dầu khi mới phát tâm, vì thương người thương vật đương chìm đắm trong biển sanh-tử, theo sức mình làm việc từ-thiện có hạng-lượng nhưng cái tâm từ, bi, hĩ, xả vẫn không hạng-lượng nên công đức không thể kể xiết.

Đại-nhật kiuh có câu : « Bồ-đề tâm vi nhơn, đại bi vi căn bản, phương tiện vi cứu kính ». Nhơn thấy sự khổ não mà động lòng thương xót, nhơn động lòng thương xót mà phát tâm bồ-đề, thiết-hành những việc tự-lợi, lợi-tha ; nhơn làm những việc tự-lợi, lợi-tha mà trí-huệ được sáng suốt, nguyện-lực được rộng lớn, lần chứng được đức đại-bi của các vị Bồ-Tát. Do đức đại-bi mà phương tiện hóa độ theo căn cơ chúng-sanh đến khi công đức viên-mạng tức là thành Phật.

Thế mới biết làm việc từ-thiện là một điều cốt yếu cho hàng Phật-tử ; vì ngoài việc từ-thiện thì không thể nào đầy đủ công-đức mà thành quả Phật.



ĐẠI-Ý KINH THỦ-LĂNG-NGHIÊM

(tiếp theo)

PHẬT DẠY HẾT MÊ TỨC LÀ BỒ-ĐỀ

Ông Phú-Lâu-Na nghe nói chúng sanh đều có như-lại-tạng-tâm như Phật, thì không rõ vì sao chúng sanh lại mê-vọng, đến đời che lấp chơn-tánh và phải bị luân-hồi mãi mãi.

Nhiều người mới học Phật - pháp cũng nghi như vậy, vì nếu bản-tánh là mê thì không thể giác-ngộ, mà nếu bản tánh là ngộ thì lẽ gì lại hóa ra mê.

Đáp lại câu hỏi ấy, Phật lấy một người điên trong thành Thất-la-Phiệt mà làm ví-dụ. Người điên ấy tên là Diên-Nhã-Đạt-Đa; một buổi mai kia, Diên-Nhã-Đạt-Đa lấy gương soi mặt, thấy cái đầu trong gương mặt mày hân-hoài, bỗng phát điên nghĩ cái đầu anh bị ma quỷ lấy mất, vì không thể thấy được, rồi sợ hãi bỏ chạy. Diên-Nhã-Đạt-Đa phát điên sợ hãi, nhưng xét ra cho kỹ thiệt chẳng có nhơn-duyên gì đủ làm cho anh nghĩ một cách điên cuồng như vậy. Soi gương thì ai lại chẳng soi, thấy bóng cái đầu trong gương thì ai lại không thấy, mặt mày của mình thì có ai thấy được, mà đã mấy ai điên như Diên-nhã-Đạt-đa !

Cũng như người đại, thấy bóng mặt trăng dưới nước. tưởng thiệt dưới nước có mặt trăng, lặn lội tìm mãi không được, lấy làm tức tối; mà nào có nhơn duyên gì sanh ra cái lầm như vậy đâu !

Nhưng đã là điên thì tất phải có kết quả của cái điên, đã là lăm thì tất phải có kết quả của cái lăm, điên lại càng điên, lăm lại càng lăm, đến nỗi có người chỉ vẽ cũng không biết tỉnh-ngộ.

Nếu thiệt biết vì điên vì lăm mà nghỉ càng nghĩ quấy thì quyết-định hết điên hết lăm ; đến khi hết điên hết lăm, xét lại những việc điên lăm trước kia, thiệt không còn nghĩa lý, gì cả.

Cái mê của chúng sanh cũng vậy ; bản tánh diệu-giác vốn không có thiệt-ngã thiệt-pháp, chúng sanh lầm nhận có thiệt-ngã thiệt-pháp, rồi theo chỗ lầm nhận ấy mà gây nghiệp chịu quả ; ngoài cái lăm ra, thiệt chẳng có nguyên-nhơn gì.

Nhưng chúng-sanh dầu mê-lăm mà bản tánh diệu-giác vẫn không hề thêm bớt. Diễm-Nhã-Đạt-Đa hết điên thì cái đầu vẫn nguyên hiện không hề thêm bớt, chúng-sanh hết lăm thì bản tánh bồ-đề tự hiện.

Cũng như một người trong áo có một hột châu như-ý mà không biết, nghèo khổ lưu-lạc xin ăn phương xa, tuy nghèo khổ thiệt nhưng vẫn sẵn có hột châu vô giá, đến khi có bực tri-thức chỉ hột châu cho biết, thì liền trở thành một nhà đại phú-bộ ; chúng-sanh cũng vậy, chúng-sanh sẵn có như-lai-tạng-tâm, đến khi nhờ Phật chỉ bảo không theo những đều phân-biệt giả-dối, hết sự mê lăm và nhận được cái như-lai-tạng-tâm sẵn đủ diệu dụng rộng lớn, thì mới biết như-lai-tạng-tâm vốn đã có sẵn, duy cần phải chứng nhận mà thôi.

(còn nữa)



KINH - THỦ - LĂNG - NGHIÊM

(diễn nghĩa)

Khi bây giờ ông A-Nan ở trong đại chúng, đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng dậy bạch Phật: « Đức Thế-Tôn nói những nghiệp sát, đạo, dâm, nếu ba cái duyên đoạn rồi thì ba cái nhơn không sanh, mà Diễn-Nhã-Đạt-Đa trong tâm cũng hết tánh điên, hết điên tức là Bồ-đề tâm, không phải tự người mà đặng. Đó thiệt rõ ràng mình bạch là nhơn duyên rồi ; Chính tôi đây cũng do nhơn-duyên mà tâm đặng khai-ngộ. Bạch đức Thế-Tôn, chẳng những bọn hữu học thanh-văn tuổi trẻ chúng tôi như vậy, cho đến hiện trong hội này ông Mục-Kiền-Liên, ông Xá-lợi-Phất, ông Tu-bồ-đề cũng nhờ nghe ông Lão-Phạm-Chi giảng lý nhơn-duyên của Phật mà phát tâm khai-ngộ, thành đặng đạo quả. Nay Phật dạy tâm bồ-đề không do nhơn-duyên thì cái thuyết tự-nhiên của bọn ngoại đạo như Câu-Xa-Lê ở thành Vương-Xá là Đệ-nhất-nghĩa hay sao ? Xin nhờ đức Đại-bi khai phát chỗ mê lầm cho chúng tôi ». Phật dạy: « A-Nan, tức như Diễn-nhã-Đạt-Đa trong thành, nếu diệt trừ đặng nhơn-duyên tánh điên, thì tánh không điên tự nhiên hiện ra ; lý nhơn-duyên tự nhiên chỉ như vậy thôi.

A-Nan, như đầu của Diễn-Nhã-Đạt-Đa vốn là tự nhiên, thì khi nào lại không tự nhiên, vậy vì nhơn-duyên gì phải sợ hãi bỏ chạy. Lại cái đầu tự nhiên vì nhơn-duyên mà điên, sao lại không tự nhiên vì nhơn duyên mà mất ? Cái đầu vốn không mất, chỉ nghỉ điên mà sợ chạy, chớ nào có thay đổi gì mà phải nhờ đến nhơn-duyên. Lại nếu tự nhiên vốn có tánh điên thì lúc chưa

diên, cái diên núp ẩn chốn nào? Còn nếu tự nhiên vốn có tánh không diên, thì cái đầu vẫn không việc gì, cứ sao lại phát diên sợ chạy?

Nhưng nếu nhận được cái đầu sẵn có, biết vì diên mà sợ chạy thì nhơn-duyên và tự-nhiên đều là hý-luận (lời nói chơi) cả. Vậy nên tôi nói: đoạn ba cái duyên rồi tức là bồ-đề-tâm.

Song nói tâm bồ đề sanh, tâm sanh-diệt diệt, thì cũng chỉ là sanh diệt; phải là sao sanh diệt đều hết thì mới gọi là Vô-công-dụng-đạo. Lại như nói có tự-nhiên thì tức là nói tâm tự nhiên sanh, tâm sanh-diệt diệt, đó cũng chỉ là sanh diệt. Đầu gọi cái không sanh diệt là tự-nhiên, thì cũng như trong thế-gian, khi các tướng xen lộn hòa-hiệp thành một thể thì gọi là hòa-hiệp, còn cái không phải là hòa-hiệp thì gọi là bản-nhiên đó thôi. Nơi bản-nhiên mà phi cái tướng bản-nhiên, nơi hòa-hiệp mà phi cái tướng hòa-hiệp, hòa-hiệp và bản-nhiên đều bỏ, bỏ và không bỏ đều phi, câu ấy mới là Vô-hý-luận-pháp.

Bồ-đề niết-bàn còn xa xuôi lắm, nếu ông không siêng năng tu chứng nhiều kiếp thì đầu cho ghi nhớ diệu-lý thanh-tịnh trong 12 bộ kinh của thập phương Như-Lai như số cát sông Hằng, cũng chỉ thêm hý-luận mà thôi. Ông tuy nói rõ ràng quyết-định những lý nhơn-duyên tự nhiên làm cho nhơn-gian khen ông là đa-văn-đệ-nhất; nhưng với cái huân-tập đa-văn nhiều kiếp kia, ông không tránh khỏi nạn Ma-đăng-già và phải đợi Phật-dảnh-thần-Chú của tôi, làm cho nàng Ma-đăng-già dứt tất lửa dâm-chứng A-Na-ham thành bậc tu-hành tinh-tấn trong Phật-pháp, cạn khô ái-hà, rồi ông mới được giải thoát!

A-Nan, vậy nên ông tuy nhiều kiếp ghi nhớ những Pháp bí-mật diệu-nghiêm của Như-lai cũng không bằng tu vô-lậu-nghiệp, cách xa hai cái khổ ưa ghét của thế-gian trong một ngày!

Như Ma-dăng-giá, xưa là người dân nữ, do sức thần-chủ tiêu hết ái-dục, tu-hành trong Phật-pháp, nay gọi là Tánh-tỷ-kheo-ni, với mẹ La-hậu-la là Da-du-đa-la, đồng ngộ biết do cái nhơn thương yêu gây ra khổ não nhiều đời, nên nhất niệm huân-tu các pháp vô-lâu-thiện, đến nay kẻ được xuất triêu (khỏi sự ràng buộc) người được thọ ký (thọ ký về sau thành Phật) rồi; mà sao ông lại mình tự dối mình, còn mắc trong vòng nghe thấy!»

(Còn nữa)



KÍNH CÁO

Các tỉnh hội An-Nam Phật-Học và các hội - viên, muốn in giấy-má, sô - sách hoặc xuất - bản sách Phật, nhà - in Mirador "Vien-De" sẽ tính giá riêng. Muốn được giá riêng, phải có ông Tráng - Đình, quản - lý Viên - Am, giới - thiệu.

L.T.S. Về dịp lễ đức tượng Phật tại Tỉnh-Hội Thủ'a-thiên chúng tôi thấy báo "France-Annam" ngày 19-8-40, có đăng bài sau này, vậy bản san xin trích nguyên Pháp văn để độc giả Viên-âm đồng lãm và xin có lời cảm tạ đạo-tâm bạn-đồng-nghiệp.

A LA SOCIÉTÉ BOUDDHIQUE

Installation d'une Statue

Hier, à eu lieu à la Pagode Tu-Dam (avenue du Nam-giao), siège de la Société des Etudes Bouddhiques de Hué, une cérémonie dite « d'installation de la Statue du Bouddha ». Une foule compacte de fidèles y a assisté. Des prières avaient eu lieu précédemment pendant plusieurs jours.

Rompant avec une coutume assez courante, la Société des Etudes Bouddhiques de Hué a construit une pagode, dans laquelle, au lieu de cette multiplicité de tables, de retables, de niches et d'autels où s'éparpille un Olympe de Bouddhas disparate et souvent inattendu, cette studieuse compagnie a tenu à n'ériger qu'un sanctuaire avec un seul bonze comme chef et une seule statue du Bienheureux. Elle a ainsi réinstauré en Annam la tradition des grands salems de l'Inde et de la Chine.

Le coulage en bronze de la nouvelle statue a été confié à M. Nguyễn-huu-Tuân et ses collaborateurs, fondeurs du village de Phuong-Duc (fondeurs). Nous avons eu l'occasion de dire, dans ce journal même, tout le bien que nous pensons d'une statue de Quan-Am que ce groupe a fondue pour la Pagode de Qui-Thiên (propriété de S. E. Thai-van-Toan, Ministre de l'Intérieur), statue qui est la reproduction agrandie d'une statuette chinoise de l'époque Kien-long.]

Cette fois, pour la statue de Çakia-Mouni (qu'on dénomme d'ordinaire « le Bouddha », puisqu'il est le Bouddha par excellence), dont la Société bouddhique de Hué fera sa seule effigie, elle s'est adressée à une véritable compétence en matière d'iconographie bouddhique.

M. Nguyễn-khoa-Toan, mandarin au ministère de l'Education Nationale, bouddhiste fervent et artiste averti, a été ainsi mis à contribution. Pendant plus d'un mois, à raison de deux ou trois heures par jour, il travaille avec ferveur à sa maquette qui mesure environ 2 mètres de haut, le personnage étant assis. Divers journaux locaux de langue annamite ont apprécié cet ouvrage en termes élogieux.

Le Bouddha a été traité suivant une inspiration personnelle qui sut cependant concilier avec bonheur les données d'une tradition millénaire et l'élan d'une esthétique très pure. Assis dans sa pose yogique de toujours, la main droite levée dans le geste hiératique de *La Loi en marche*, drapé dans le même habillement rituel, le Maître emprunte ici à une conception à la fois simple et harmonieuse des draperies, des jeux de muscles, des balancements de masses, l'expression d'une vie individuelle intense.

Nous ne saurions mieux faire, pour apprécier cette œuvre, que reproduire ci-après quelques lignes du fin et sensible poète Guy Issartier que nous avons eu plaisir à lire dans *la Nouvelle Revue Indochinoise*, et qui juge cette statue en connaisseur, fixant ainsi en termes choisis l'impression que différents Français ont eue devant la nouvelle effigie :

« On reste saisi devant cette révélation d'une beauté si intimement liée au souffle fervent qui l'anime...

« Force et douceur, bienveillance et sérénité, équilibre harmonieux, paisible assurance, tout cela s'irradie de la forme parfaite. Et ce qui frappe le plus, en même temps que l'espèce de puissance, de solidité défiant le doute, c'est le modelé même de cette tête orientale dans son expression, et dans sa plastique, aryenne, grecque, presque occidentale, qui semble conçue dans l'âme de l'artiste à travers la double culture asiatique et française de son esprit...

« Le maître est présent parmi nous, splendidement posé dans sa réalité comme un modèle et un Sauveur, mais aussi prêt à se dissoudre dans l'Intemporel, soulevé par l'esprit qui le baigne d'une majesté céleste... »

« ... Il me semble que le sculpteur a projeté dans son œuvre le plus profond secret de lui-même... Il y a là un effort vers l'universel, vers un *type* de sage accessible à tout l'humain qui donne à cette œuvre un sens nouveau, une grandeur étonnante... »

Nous notons avec sympathie cet effort de création d'art qui ajoute à l'actif de la statuaire annamite et en félicitons l'auteur et la Société des Etudes bouddhiques de Hué.

(France-Annam).



AI TIN

Chúng tôi xin tin cùng Quý-độc-giả hay rằng thân-mẫu thầy Trí-Độ, Đốc-học trường sơ-dã của Hội Annam Phật-học, biên-lập Viên-âm, đã tạ-thế ngày 21 tháng bảy tại quý-quán làng Phổ-trạch, phủ Tuy-phước, tỉnh Bình-dịnh.

Nhơn dịp này chúng tôi xin tỏ lời chia buồn và mong thiện-tín xa gần chú nguyện cho vong linh được siêu sanh tịnh-độ.

CUỘC XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

NĂM 1940

(Sắc lệnh ngày 20 tháng 8 năm 1939 — Nghị-dịnh ngày 7 tháng 11 năm 1940)

Phát hành lần thứ hai: 1.200.000 vé

Chia ra làm **BỐN BỘ** (A-B-C và D) mỗi bộ **300.000** vé, xổ ngày 13 tháng 6, 18 tháng 7, 22 tháng 8 và 26 tháng 9 năm 1940.

MỖI BỘ CÓ:

1 số trúng	10.000\$
10 — trúng	1.000.
30 — trúng	500.
120 — trúng	100.
300 — trúng	58.
900 — trúng	20.
6.000 — trúng	10.

Ba lô lớn chung cho bốn bộ là những lô này:

1 lô	20.000\$
1 lô	40.000
1 lô	100.000

Lô nào trúng mà không lĩnh trước ngày 26 tháng 3 năm 1941 thì cuộc xổ số Đông-Pháp được hưởng.

CHÚ Ý. — Những vé hoặc trúng hoặc không trúng trong bốn kỳ xổ riêng của bốn bộ cũng được dự vào cuộc xổ chung lấy ba lô lớn.

PHẬT-HỌC VẤN-ĐÁP

Trả lời thầy Th. T. — Battambang.

1) *Hỏi* : Loài người do nhơn-duyên của nghiệp-thức và khí-huyết của cha mẹ mà sanh, câu nói ấy theo trí ngu của tôi cũng công nhận là đúng ; mà tôi muốn biết cái nhơn gì mà sanh ra cái nghiệp-thức ; trước khi có nghiệp-thức cũng phải có nhơn-duyên chứ không lẽ không, không lẽ tự nhiên mà có, còn nghiệp-thức của chúng ta đây, đã có lâu đời rồi, tôi muốn biết cái nghiệp-thức mới nũa, và cái gì sanh ra nghiệp-thức mới.

Đáp .— Nghiệp-thức tức là đệ-bát-thức, bản thể vẫn vô thủy vô-chung, chỉ vì chúng-sanh mê lầm không biết, nhận có thiệt ngã thiệt pháp, phân biệt có thân có cảnh, nên phát khởi ra các thân nghiệp, khẩu-nghiệp, ý-nghiệp sai quấy. Các nghiệp ấy huân-tập đệ-bát-thức ra cái quả dị-thức nơi thức ấy gọi là nghiệp-thức. Vậy nghiệp-thức chỉ là đệ-bát-thức chuyển biến theo các vọng-niệm chớ không chi khác. Sự chuyển biến đó chỉ nhơn mê mà có, nếu không mê thì toàn thể vẫn là chơn-như, không còn gì đáng gọi là sanh, là diệt, là có, là không, là đầu, là đuôi, huân nũa là thời-gian, không-gian !

Còn vì sao mà mê, đều đó chính nơi hiện-tiền đây, chúng ta nên tự hỏi thì tức thời biết rằng mê chỉ là một đều lầm, không có thiệt thể, không có nguyên-nhơn, không khác gì đứa trẻ con lầm nghĩ các bóng trong gương thiệt có hình-chất.

Đáp lại câu hỏi về nghiệp-thức mới, thì nói về Tướng, đệ-bát-thức sát-na sanh-diệt, lúc nào cũng có thể gọi rằng mới ; còn về tánh thì bản-tánh chơn-như vẫn không thay đổi, chẳng có gì đáng gọi là mới cũ. Còn như nói về hữu-tinh chúng-sanh thì toàn-thể hữu-tinh chúng-sanh đều có

đệ-bát-thức vô-thủy vô-chung ; mà đã là vô-thủy vô-chung thì hiện không thể có cái đệ-bát-thức mới sanh khởi lần đầu.

2.) **Hỏi** : Cái nghiệp-thức đó có phân nam-ữ hay không, mà chúng-sanh đều khác nhau kẻ nam người nữ, cho đến loài súc-sanh cũng như vậy?

Đáp : Chúng-sanh theo nghiệp mà chịu báo, Nhơn đã phức tạp thì quả cũng phức tạp, không thể nào nói cho hết được ; nên thụ-sanh làm con trai hay con gái, làm loài người hay súc-sanh đều tự mình làm, tự mình chịu, đầu bản-thể của đệ-bát-thức vẫn Như-như Bình-dẳng.

3.) **Hỏi** : Loài vi-trùng có nghiệp-thức không. Nếu có thì nghiệp-thức của loài vi-trùng và của ta khác nhau thế nào, hay là không khác ? Xin quý ngài giải cho đành rành và có bài nào mơ-hồ, lằng lộn sự dị-đoan mê-tín thì xin quý ngài đừng đăng.

Đáp : Trong các loài vi-trùng có thứ thuộc về hữu-tính, có thứ thuộc về vô-tính. Các loài vi-trùng hữu-tính đều có đệ-bát-thức như chúng ta, chỉ vì chỗ nghiệp-nhơn huân-tập từ trước có khác nên hiện nay kết-quả cũng hóa khác mà thôi. Cái khác đó chỉ ở nơi hiện-tướng nghiệp-thức, chứ không phải ở nơi tự-thể đệ-bát-thức.

Còn về đạo-lý, Viên-Âm chúng tôi lúc nào cũng gán diễn-giải cho đúng chánh-pháp, trong các bài không hề dám đề lẫn lộn những sự dị-đoan mê-tín. Đến như những lời rao báng của các nhà buôn cây đặng, thiệt không có đạo-lý gì và chúng tôi cũng xin tuyên-bố không chịu trách-nhiệm về mặt đạo-lý của các quảng-cáo.

VIÊN-ÂM



LỄ THÀNH-HÔN

TẠI CHÙA HỘI-QU AN

Chúng ta đã là Phật-Tử thì bao nhiêu những lễ-nghi quan-hệ đến đời ta phải tổ-chức tại chùa để tỏ lòng thành-cần tôn-trọng. Lại những lễ quan-trọng như lễ đầu năm, quy-y, thành-hôn, tổng-chung vãn vãn... Cần phải có một nghi-thức thích hợp mà trong hàng đạo hữu đều nên tùy trường-hợp mô phỏng theo. Vì lễ thành-hôn của lệnh-ái đạo trưởng Lê-dinh-thám là cô Lê-thị-Tâm-Mẫn, đẹp duyên cùng thầy Hoàng-văn-Tâm.

Hôm đó tại giảng-đường chùa hội-quán tỉnh hội Thừa-Thiên, trang hoàng rất lộng-lẫy. Hơn bảy giờ tối, người đi xem rất đông, thành-thử nhà giảng-đường không đủ chỗ. Hội viên đến dự lễ phần đông đều mặc áo mũ. Đúng tám giờ, hai họ nhà trai cùng nhà gái đến, chia ra hai hàng. Hai người đi đầu cầm đèn, tiếp nhau nhiều người mang hoa quả đến lễ Phật và một cái hộp, trong đựng hai chiếc nhẫn. Vào trước án Phật, hai họ giảng ra hai bên, đôi trai gái dâng hai bó hoa yết Phật. Một vị tăng giả chứng-minh niệm hương xong thì hai bên chủ-hôn lễ Phật. Kế tiếp các thầy kinh-sur cùng hội-viên tán bài « Lư-hương » tụng « Đại-Bi » và niệm danh-hiệu Phật-Thích-Ca. Lúc tiếng niệm Phật đã dứt thì thầy Chứng-Minh xướng sớ, thầy Công-văn đọc sớ, chủ hơn hai bên làm lễ, (xin xem nguyên văn bài sớ diên-âm), sớ xong thì tụng chú tiêu-tai bầy biển. Tiếp đến cặp tân-hôn lễ Phật rồi quỳ xuống hai bên.

Khi ấy thầy Chủ-sám dạy qua các bồn-phận trong gia-đình (xem bài giảng đăng sau đây) và trao hai chiếc nhẫn cho đôi vợ chồng mới đeo vào tay. Hai vợ lễ tạ Phật và đứng lui. Khi ấy các thầy kinh-sư và hội-viên tán bài « Nguyễn-tiêu tam-chương vân...vân... » và tiếp tam-tự-qui. Thế là lễ tất.

Lễ xong họ ra về và tất cả hội-viên đều đến nhà đạo-trưởng Lê-đình-Thâm dự tiệc trà và xem pháo bông, ai nấy đều hoan-hỷ.

BÀI SƠ TRONG LỄ THÀNH-HÔN, DIỄN-ÂM

Phục dĩ : Tri-quang tịch chiếu, vĩnh vi tam-giới chi Đạo-sư, bĩnguyên hoằng tham, phổ tác tứ sanh chi Từ-phụ ; đơn tâm cũng bặc, tổ thủ hòa-nam, sở vị : An-nam Phật-học, Thừa-thiên Tỉnh-Hội, cung nghệ sắc tứ Từ-Đàm-tự phụng Phật, tu-hướng phúng kinh, vị tân-hôn kỷ phước sự.

Kim thiện-tín Mồ Mồ (tên các thân gia) tức nhứt ngươg can Tam-Bảo uy-thần, phủ thủy chứng giám. Thiết niệm thiện tín đẳng thân sanh tử nữ Mồ Mồ (Tên cặp tân-hôn), sanh cư dục giới, nghiệp hệ túc duyên ; hợp ững nghi thất nghi gia, thành liễu hữu hình quyến thuộc, hoàn nguyện đồng tu đồng giải, kỷ qui vô thượng Bồ-đề.

Tư giả, thời duy chánh-nguyệt, tiết giới xuân thiên ; thanh-tĩnh trai-nghi, hiền mật viên chi diệu-vi, trang nghiêm phạm vũ, phần giới định chi chân-hương ; cần cụ sở chương, kiền thành bái bạch :

Nam mô tạn hư không, biến pháp-giới, quá hiện vị-lai
chư Phật, Tôn-Pháp, Hiền thánh tăng tác đại-chứng-minh ;

Nam mô Bồ-như Thích-ca Mâu-ni -Phật tác đại-chứng-minh.

Nam mô đại-bi hội thượng Phật Bồ tát tác đại-chứng-minh.

Phục nguyện : Quảng thủy tĩ hộ, thường giảng cát
tường ; bảo tân-hôn cầm sắc hòa-hải, niên niên hưởng vô
biên phước-quả, đạo đại chúng tri bi thành-tựu, sanh
sanh hoằng bát diệt pháp-môn ; thiết lại Tam-Bảo phù-tri
chỉ Đại-lực đã ; cần sớ.

Bảo-đại niên nguyệt nhựt ; Đệ tử chúng đẳng hòa
nam thượng sớ.

Bài giảng trong lễ Thành-Hôn :

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ-PHẬT

Hôm nay hai trẻ vàng lời cha mẹ thân sinh, kết hôn
cùng nhau, Tôi xin thay mặt các vị tôn-túc và toàn-thể
Đạo-hữu hiện-diện, chúc cho hai trẻ vạn-sự cát-tường,
bách-niên giai-lão.

Nhơn dịp tôi có ít lời chỉ vẽ, trông mong hai trẻ
ghi nhớ mà làm theo, thì phước-quả về sau không thể
kê xiết.

Hai trẻ đã là Phật-tử, thì một đều thứ nhất, cần phải quy-
y tam-bảo, nghĩa là quy-y Phật, quy-y Pháp và quy-y Tăng.
Hai trẻ đã quy-y với Phật là một vị Đại-giác, Đại-ngộ,
Đại-tử, Đại-bi, thì hàng ngày phải tưởng Phật, niệm Phật,
nhắm theo gương sáng suốt của Phật mà sửa đổi tánh
nết của mình, dầu gặp trường-hợp nào cũng chỉ tin
cậy nơi Phật, trông tưởng nơi Phật, chớ không nên quy-
y với các chúng sanh, như Thiên, Thần, quỷ, vật. Còn
quy-y Pháp là quy-y với những phương-pháp tu-trì của
Phật dạy ; Pháp của Phật vẫn nhiều, nhưng cũng có thể
tóm lại trong ba điều : là đừng làm các điều dữ, gần
làm những việc lành, tu luyện tâm-ý cho thanh-tịnh ; Pháp
của Phật rất có lợi ích về hiện tại và tương lai, hai
trẻ nên gần tham học và thiết hành theo, chớ không
nên quy-y với những thuyết sai lầm, như ngoại đạo, tà

giáo. Lại hai trẻ quy-y Tăng là quy-y với những bậc đã dày công tu-trì theo Phật-pháp và đoạn được những lòng tham, sân, si, mạng, có thể đem các điều kinh-nghiệm trong đường tu-hành mà chỉ vẽ cho mọi người ; trong bước đường đời hai trẻ phải thận trọng về chỗ lựa thầy, lựa bạn, không nên thân cận với những người bạn xấu và những đảng dữ.

Hai trẻ đã quy-y tam-bảo, thì nên giữ năm giới, là : không được vô cớ sát hại sanh linh và thường nhưn từ, thương người, thương vật, không được trộm cắp lường gạt và thường công bình không xâm phạm của ai, không được phạm điều tà dâm và thường giữ sự hòa nhã, lễ tiết trong gia-đình, không được giới trá hại người và thường lấy lời thành thực ôn hòa mà đối đãi với quần-chúng, không được vô cớ uống rượu hoặc dùng những chất độc có thể làm tổn hại tinh-thần và thường siêng năng tiết-kiệm. Năm cái giới ấy hàng Phật-tử nên gần mà giữ, ít nữa cũng phải giữ trọn một giới thì mới có thể tránh khỏi các điều tội ác rất có hại về tương-lai.

Lại nay hai trẻ kết-hôn tạo thành một gia-đình mới, tôi cũng xin nhắc lại các bổn phận trong gia-đình :

1.) Trước hết, là bổn phận con đối với cha mẹ, tóm lại có năm điều : điều thứ nhất là ăn làm siêng năng để cho gia-sản càng ngày càng thêm, khỏi phiền lụy đến cha mẹ ;

Điều thứ hai là giúp đỡ cha mẹ, làm các công việc trong gia-đình để cho cha mẹ khỏi nhọc-nhân lo nghĩ ;

Điều thứ ba, là vật gì cha mẹ ưa thích, có thể sắm được thì phải sắm mà dâng ;

Điều thứ tư, là hết sức làm cho cha mẹ vui lòng không hề trái ý ;

Điều thứ năm, là những của riêng của mình đều hoàn toàn để cho cha mẹ tùy ý mà dùng, không hề phiền hà, tiết nuôi.

2.) Còn bổn phận của chồng đối với vợ tóm lại có năm điều :

Điều thứ nhất là thương yêu không hề ngược đãi ;

Điều thứ hai, là lấy lễ mà đối đãi, không hề khinh rẽ ;

Điều thứ ba là sắm sửa các đồ trang-sức ;

Điều thứ tư là để cho tự tại coi ngó việc nhà ;

Điều thứ năm là thường thân-cận tin cậy.

3.) Bồn phận của vợ đối với chồng là phải thương yêu, kính nể, sắm sửa đồ ăn thức mặc, thường nghĩ đến chỗ đáng thương đáng quý của chồng, việc gì cũng nói thiệt cho chồng biết không hề dấu diếm ; chồng đi về thì đón rước, thấy mặt chồng thì vui-vẻ, coi ngó việc nhà, chăm sóc con cái cho châu đáo, lúc nào cũng yêu mến chồng con, siêng năng tiết-kiệm.

4.) Bồn phận cha mẹ đối với con, thì tóm lại có năm điều : là thương yêu con cái, cho các đồ cần dùng không thiếu, coi ngó con không cho lãng phí, định vợ gã chồng cho xứng đôi vừa lứa và giữ gìn của cải để về sau phú thác cho con.

5.) Bồn phận của chủ nhà đối với đầy tớ là : theo sức mà cất việc, cho ăn cho đúng bữa, cho nghỉ ngơi cho có độ lượng và cho thuốc thang khi đau ốm, chớ không nên đề đòi khát một nhọc.

Những bồn phận trong gia-đình vừa kể trên là những điều Phật đã dạy trong Thiện-sanh-kinh, hai trẻ nên ghi nhớ mà thiêt hành theo, thì hạnh-phúc trong gia-đình không thể kể xiết.

Hai chiếc nhẫn trong hộp này, là vật kỷ-niệm của cái lễ hôn phối hai trẻ hôm nay ; hai trẻ trong khi lãnh chiếc nhẫn này, nên phát nguyện làm tròn bồn-phận gia-đình của một tin-đồ Phật-giáo như đã nói trên ; khi nào hai trẻ thấy chiếc nhẫn thì nên nhớ đến lễ hôm nay, nhớ đến các vị tôn-túc các vị thiện-tri-thức, các thân bằng quyến thuộc đã vui lòng đến chiêm lễ cầu nguyện cho hai trẻ, nhớ đến những lời tôi vừa nói mà thiêt hành theo, thì lo gì không làm tròn bồn phận ; phước quả về sau thiêt vô biên vô lượng.

Nam mô thường hoan hỷ, thường tinh tấn Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

PHẬT-PHÁP VÀ BAO-GIỚI

Các bạn độc-giã Viên-Âm, khi nào đọc được một tin gì về Phật-Pháp ở các báo, xin cắt tin ấy gửi về bản-san để đăng trong mục này. Bất kỳ tin về giáo-lý hay Phật-sự, tin về sơn-môn cũng nên trích gửi về. Bắt đầu, chúng tôi đăng tin sau này trích ở Trảng-An 5-8-40.

PHẬT-GIÁO Ở NƯỚC THÁI (Xiêm).

Ở nước Thái có đến 17.408 ngôi chùa, 4.056 trường chuyên dạy giáo-lý đạo Phật, 150.213 nhà sư và 75.079 chú tiểu.

Trong mấy năm gần đây, nước Thái đã tấn bộ nhiều về phương diện văn hóa Âu-Tây, nhưng về Tôn-giáo, thì không có sự gì thay đổi triệt-đề, Phật-giáo vẫn có ảnh-hưởng mạnh như trước.

Cũng như lúc xưa ở các nước khác, tăng-chúng là những giáo-sư, y-sĩ, cố-vấn, cho nên họ có ảnh-hưởng lớn trong dân chúng và được Triều-Đình trọng đãi.

Dần dần dân chúng được giáo hóa, những nhà chuyên môn đi học ở Hải-ngoại về đem thực-hành những phương pháp mới, giáo-sư chăm nom về giáo-dục, bác-sĩ săn sóc bệnh nhân, chính-trị gia quản-lý việc nước. Bởi vậy cho nên phải tăng đồ không giữ những địa-vị ấy nữa.

Năm 1936-37, ở Thái có những 7.486 trường học lập trong các chùa (số trường của chính-phủ có chừng 9.314). Xem thể thì biết 80% trường học còn ở dưới quyền kiểm-sát của môn-đồ Phật-giáo; nhưng công-quy đối-dào thì những trường ấy sẽ được chính-phủ trông nom.

Hồi xưa, lúc thấy một tu-sĩ đi ngoài phố, kẻ xuống ngựa, người xuống xe, ai ai cũng cung kính vái chào; ngày nay vì sự hoạt động của đời mới, dân chúng không có những cử-chi như thế nữa, nhưng trong lòng vẫn kính trọng tăng-đồ.

Hiện bây giờ ở Thái họ vẫn quyền trợ rất nhiều tiền vào các hội Phật, có nhà cúng những 7% lợi tức của mình. Xem thế thì biết ở Thái Phật-giáo vẫn có ảnh-hưởng lớn; tín-đồ hội họp rất đông khi có lễ Phật và các nghi-tiết, vẫn không thay đổi.

Người Thái rất chú tâm nghiên-cứu Phật-lý. Hiện nay có những 4.056 trường dạy về giáo-lý đạo Phật, 17.408 chùa rải rác khắp nước, cứ tính 800 dân thì có một chùa. Số tăng đồ ước chừng 150.213, không kể 75.079 chú tiểu, như thế là cứ 64 dân thì có 1 nhà sư.

Các nghị-viên vừa rồi lại yêu-cầu chính-phủ cho phép các tăng đồ được đi hành hạt để tuyên truyền lý-thuyết nhà Phật và họ phải là những nhà chuyên môn về vấn-đề tôn-giáo.

Như thế tỏ rằng ở Thái, người ta muốn cho đạo Phật được bành-trướng.

TIÊU-TỨC

Tin trong hội

Tỉnh-Hội Khánh-Hòa. — Ngày 14 Juillet, tỉnh-hội có làm lễ cầu-siêu cho trận-vong tướng-sĩ. Có Quan Sứ, Quan Tuần và Quan Đại-tá cai quản đạo binh miền Nam dự lễ. Có đạo-quân 16ème R.I. giữ trật-tự rất trang-nghiêm.

Thầy Thiên-Tôn giảng kinh Tam-bảo và thuyết-pháp về vô-thường. Số Hội-viên đến cuối tháng Juillet : 697.

Trong tháng Juin, Tỉnh-Hội có mở cuộc lạc quyền trong hàng hội hữu để giúp vào quỹ Hồng-Thập-Tự. Số tiền thu được cộng là 121\$60, Tỉnh-Hội đã gởi số tiền ấy nhờ quan Công-Sứ chuyển gởi cho Hội-Hồng Thập-Tự.

Chi-Hội Pleiku. — Nhơn đạo-hữu Nguyễn-công-Tích có giấy đòi về Nhatrang, chi-hội đã nhóm đại-hội-đồng để bầu đạo-hữu Lê-thịnh-Khánh làm đại-biêu.

Tổng Trị-Sự. — Sau khi được ý-kiến của Ban-viên Tổng-hội-đồng, T.T.S. đã gửi đơn xin phép cho hai Tỉnh-Hội Hà-Tĩnh và Pleiku thành lập. Thế là khắp xứ Trung-Kỳ đâu đâu cũng có tỉnh hội Phật-học.

Tỉnh Hội Thanh-Hóa. — Tại hội-quán đêm rằm tháng sáu, ngài Tăng-Cang chùa Đào-Viên diễn sự-tích đức La-Hầu-La.

Tỉnh Hội hiện đang cử-động thêm Hội-Viên.

Số Hội-Viên đến cuối tháng Juillet : 294.

Tỉnh Hội Quảng-Bình. — Ngày 3-6-40, tỉnh hội hoàn-thành giảng đường.

Số Hội-Viên đến cuối tháng Juillet : 906

Tỉnh-Hội Quảng-Trị. — Ngày 28-7-40, tỉnh hội khánh-thành chùa Hội-quán. Tuy tài-chánh Tỉnh-hội kém cỏi nhưng nhờ nhiệt-tâm của Hội-viên trong Tỉnh, nên hội-quán hoàn thành. Số tiền chi-phí hơn 3.000\$, trong ấy có phần Bà Edel đã cho mượn và cúng gần 1.000\$.

Lễ khánh-thành tuân-tự theo như chương-trình sau này :

Buổi sáng : Lễ Tinh-trần yêm-tâm Phật, lễ an-vị, khai-kinh, lạc-thành lễ ngộ.

Buổi chiều : Tiệc-trà, tuyên-bố công việc làm chùa. Tổng trị sự ra dự lễ và đến sáu giờ giảng-sư Lê-dinh-Thám thuyết-pháp.

Buổi tối : Lễ phóng sanh đăng, chân-tế.

Sáng thứ hai 29-7-40, tỉnh-hội làm lễ cầu-siêu cho Pháp-nam trận vong chiến-sĩ, có các quan Pháp, Nam đến dự lễ. Quan Công-Sứ có cho phép các công-chức trong tỉnh được nghỉ đến dự-lễ.

KÍNH CẢO

Cùng Thập-phương Đạo-hữu

Ai muốn trừ tà hồ mạng, cầu nguyện phước đức, nên đeo Phật-chương trong mình và nên treo Phật-Tượng trong nhà luôn luôn.

Các hạng Phật-chương :

Kiểu A. — Từ số 1990 Tượng Đức Thích-Ca Phật-Tổ, trong trắng sành, ngoài khảm pháp-lam, có câu Kinh và có kim khuy để đeo giây. Giá từ 0\$45 bằng đồng đến 400\$00 bằng vàng và có nhận các hạng hột xoàn.

Kiểu B. — Từ số 2000 tượng đức Phật Thích-Ca

Từ số 2010 — — Di-Lạc

Từ số 2020 — — Di-Đà

Từ số 2030 — — Quan-Âm

Từ số 2040 — — Quan-Thánh

Từ số 2050 — — Thánh-Mầu

Kiểu B Tượng Mẫu, mình trắng, xung quanh đỏ, trên bằng nhơn sòng, có câu Kinh và có Kim khuy để đeo giây hoặc trục. Giá từ 0\$55 bằng đồng đến 160\$00 bằng vàng và có nhận các hạng hột xoàn.

Các hạng Phật-tượng và Thánh-tượng:

Từ số 2060 (không khuôn hoặc có khuôn gương) giá từ 1\$50 đến 3\$50 một bức.

Các hạng giây đeo :

Từ số 1956-A giá 0\$07 đến số 1956-G giá 30\$00.

Các Chùa, Đền, Miếu, Điện, Hội Phật cùng Thập-phương Thiện-nam Tin-nữ, ai muốn xem giây kẻ hàng đủ các số (xin kèm con tem 0\$06 để gửi) hoặc muốn thỉnh bao nhiêu, xin gửi ngân-phieu và thơ cho nhà Tổng-phát-hành là :

Giấy thép nói số 66, Huế
Giấy thép tất : Lacthuyvien-Huế

Nhà Lacthuyvien
Mme Pham-thi-Trac
Nº 12, Rue Doudart de Lagrée
HUE (Annam)

Danh sách các vị cúng tiền đức Tượng Phật tỉnh Hội Thừa-thiên

MM. Trần-Diệm	2\$00	MM. Thông-Nac	1.00
Phan thị-Bồi	2.00	Famille Nguyễn-dinh-Duy	10.00
Mme & M. Nguyễn-hữu- Hiệt	2.00	Bửu-Hoàng	3.00
Huỳnh-công-Bản	3.00	Đồng-xuân-Dương	1.00
Hồ-dinh-Thiện	5.00	An-Lợi	1.00
Nguyễn-thị-Dầu	3.00	Vạn-toàn-Lợi	1.00
Nguyễn-thị-Cúc	0.50	Mme et M. Bửu-Bác	25.00
Ngô-thị-Vầy	0.50	Cao-hữu-Hậu	2.00
Nguyễn-thanh-Tùng	0.20	Bùi-quan-Tín	1.00
Đỗ-Khương	1.00	Nguyễn-văn-Hoành	20.00
Công-tôn-nữ-thị-Vân	0.50	Võ-đắc-Tuyên	5.00
Đoàn-xuân-Sắc	2.00	Nguyễn-văn-Huân	5.00
Hồ-thị-Thịnh	2.00	Huỳnh-thị-Hội	5.00
Huỳnh-hữu-Đôn	2.00	Lê-đức-Trạm	1.00
Phan-gia-Chung	5.00	Trần-văn-Xuân	0.50
Ưng-Đề	2.00	Phan-quan-Quyền	5.00
Long-q-Tự, Trần-thị- Châu, Lê-thị-Cúc	10.00	Nguyễn-hoài-Vỹ	1.00
Phạm-Dạc	2.00	Phạm-quan-Thái	3.00
Trần-diệu-Khế	10.00	Nguyễn-đức-Cẩn	1.00
Nguyễn-thị-Quế	2.00	Nguyễn-Đề	1.00
Phạm-hữu-Chuân	10.00	Trần-văn-Bổ	0.50
Thái-Lợi	50.00	Lê-Huyền	0.50
Hồ-văn-Sung	5.00	Nguyễn-khoa-Nghi	10.00
Lâm-duy-Tuyên	1.00	Hà-thúc-Hy	0.50
Nguyễn-duy Thu	2.00	Cụ Thân-Thần	50.00
Phạm-văn-Sum	1.00	Võ-thị-Lưu	3.00
Nguyễn-văn-Quế	2.00	Trương-thị-Hiếu	1.00
Đương-Sung	2.00	Phạm-kính-Đức	5.00
Tôn-nữ-thị-Tấn	1.00	Nguyễn-thị-Ân	10.00
Nguyễn-văn-Điều	1.00	Lê-thị-Tánh	3.00
Trần-thị-Hòa	5.00	Lý-thị-Quỳnh	2.00
Hồ-thị-Đoài	0.30	S. E. Ung-Bàng Diệu-Đế	5.00
Bà Văn-thị-Du	2.00	Độc-Phất	5.00
Huỳnh-Tường	1.00	Độc-Hà	5.00
Vô-danh do M. Bửu-Bác	25.00	Lê-dinh-Lạc	5.00
		Hoàng-dinh-Bình	1.00
		Trần-Khiết	1.00

(Còn nữa)

KINH - CAO

Các ngài muốn khảo cứu triết-lý của đạo Phật,
Các ngài muốn biết rõ tâm tánh của mình,
Các ngài muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ hoàn toàn,

HÃY ĐỌC **VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN**

Một tờ tạp-chí chuyên chú về Đạo Phật do
An-Nam-Phật-Học Hội (SEERBA) xuất-bản.

Chủ-nhiệm : Hội-trưởng hội An-Nam-Phật-Học : **NGUYỄN-ĐÌNH-HỒE**

Thơ từ, bài vế đăng Viên-Âm, xin gởi cho Chủ-bút : **LÊ-ĐÌNH-THÂM**
Médecin Indochinois, Hôpital Central, boîte postale N° 73, Hué.

Mua báo, trả tiền báo, đăng quảng-cáo, xin gởi cho Quản-lý : **TRĂNG-ĐÌNH**
Boîte postale N° 29, Hué

GIÁ : Một năm : 2\$00 Sáu tháng : 1\$10 Mỗi số : 0\$20
Hội-viên Hội An-Nam-Phật-Học muốn hưởng 25%.
giá báo, xin do các hội-trưởng tỉnh-hội gởi mua.

MIRADOR (VIÊN-ĐIỆ)

TUY LÀ MỘT NHÁNH PHỤ CỦA HIỆU :

KHUYNH-DIỆP

nhưng là một nhà-in lớn, in đủ thứ : Nam-triều quốc-ngữ
công-báo (mỗi tháng 1 kỳ xuất-bản 12.000 số); Trung-kỳ Bảo-hộ
công-báo (mỗi tháng xuất-bản 2 kỳ); Lịch Nam-triều, có 4 thứ :
Quan-lich, Bửu-lich, Long-lich, Ngự-lich; Bộ Luật Hộ Trung-kỳ;
các giấy-mã in của các sở công ở các tỉnh Trung-kỳ (Services
provinciaux de l'Annam); Biên-bản của viện Dân-biểu, các
tạp-chí Viên-Âm, Tiếng chuông nhà học; chương-trình Cinéma
chiếu ở Hué, Tourane, Quảng-ngải, Qui-nhon; chương-trình
các hội-chợ, đám hát, cuộc vui; các thứ giấy-thơ, bi-thơ, đơn-
hàng, biên-lai, các sổ sách của nhà buôn, và đủ kiểu thiếp hiệu,
hỉ v.v... Tóm tắt, nhà-in Mirador làm đủ các việc khó dễ và lớn
nhỏ và in đủ các thứ sách bằng Pháp-văn, Quốc-văn và Hán-văn.

KHUYNH-DIỆP và MIRADOR CÙNG MỘT CHỦ-NHÂN: VIÊN-ĐIỆ HUÉ

* Giấy-nói : 87

Giấy-thếp tất: VIENDE HUE